

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc
2. Ông Nguyễn Kim Chung

- Thư kNY phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng Kiều là Thư kNY Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ INY số: 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Dũng C, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 18, xã BB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị NY, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 18, xã BB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Dũng C trình bày:

Hôn nhân: Ông C và bà NY tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng kNY kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BB, huyện Thới Bình vào ngày 14/4/2015. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà NY bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng đã được cha mẹ động viên, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu ly hôn với bà NY.

Con chung: Ông C và bà NY có 01 con chung tên Trần Đình T, sinh ngày 05/6/2016 (giới tính nam), hiện do ông C đang nuôi dạy. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà NY cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu NY kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì xét thấy mâu thuẫn giữa ông C và bà NY đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên các yêu cầu của ông C là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần Dũng C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Trần Thị NY. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Bà NY có nơi cư trú tại ấp B, xã BB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho bà NY nhưng bà NY không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của ông C và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có triệu tập xét xử hợp lệ nhưng bà NY vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà NY theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Ông C và bà NY tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kNY kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/4/2015. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, ông C cho rằng ông và bà NY chung sống không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà NY tự bỏ nhà đi, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông C không thể tiếp tục chung sống với bà NY nên ông yêu cầu ly hôn với bà NY. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà NY đã tuân thủ về điều kiện đăng kNY kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, bà NY tự bỏ nhà đi và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa ông C và bà NY không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông C và bà NY có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do bà NY vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông C và bà NY được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông C và bà NY có 01 con chung tên Trần Đình T, sinh ngày 05/6/2016 (giới tính nam), hiện do ông C đang nuôi dạy. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy cháu Trần Đình T do ông C nuôi dạy từ trước đến nay, quá trình giải quyết vụ án bà NY không có NY kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của ông C nên cần chấp nhận để cho ông C tiếp tục nuôi con, ông C không yêu cầu bà NY cấp dưỡng nuôi con, bà NY không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Ông C xác định ông và bà NY không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông C xác định vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xin xác nhận ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã BB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 19/4/2019 xác nhận vợ chồng ông C và bà NY không có ai yêu cầu giải quyết về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Trần Thị NY.
2. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Dũng C về việc ly hôn với bà Trần Thị NY.
 - 2.1. Về hôn nhân: Ông Trần Dũng C và bà Trần Thị NY được ly hôn.
 - 2.2. Về con chung: Giao cháu Trần Đình T, sinh ngày 05/6/2016 (giới tính nam) cho ông C tiếp tục nuôi dạy, bà NY không cấp dưỡng nuôi con.

Bà NY không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- 2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 16 tháng 4 năm 2019 ông C có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006083 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà NY vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã BB;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh